

**CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGÀNH, NGHỀ PHỤC HÌNH RẰNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

A. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở đăng ký: Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa

Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: Thanh Hoa Medical College

2. Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.951.081, Fax: 02373.950.410

Website: cyt.edu.vn, Email: pdtcaodangyth@gmail.com

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp) số: 2360/QĐ-BGDĐT

Ngày, tháng, năm cấp: 11/05/2004. Cơ quan cấp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Họ và tên Hiệu trưởng: Mai Văn Bảy

Quyết định bổ nhiệm/công nhận số: 638/QĐ-UBND ngày 18/02/2019. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 42/2022/GCNDKHHĐ-TCGDNN.

Ngày, tháng, năm cấp: 06/6/2022. Cơ quan cấp: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô đào tạo/năm	Trình độ đào tạo
1.	Kỹ thuật phục hình răng	6720604	60	Cao đẳng

B. CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO.

1.1. Cơ sở vật chất: Chung cho tất cả các ngành/ quy mô toàn trường

Phòng làm việc, khu nhà hiệu bộ: Có đầy đủ các phòng làm việc, phòng hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, ban, bộ môn chuyên khoa, bảo đảm diện tích chỗ làm việc trung bình cho 300 giáo viên cơ hữu và kiêm chức : 9.5m²/ người (Đảm bảo diện tích theo quy định 8 m²/ người).

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1.	Phòng Hiệu trưởng	01	50	
2.	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	80	
3.	Phòng Chủ tịch Hội đồng Trường	01	40	
4.	Phòng Quản lý Đào tạo	02	120	
5.	Phòng Tổ chức - Hành chính	03	120	
6.	Phòng Tài chính - Kế toán	02	80	
7.	Phòng Khảo thí & KĐCL	04	120	
8.	Phòng Công tác HS-SV	02	80	
9.	Phòng Quản lý Khoa học & QHQT	02	80	
10.	Ban đào tạo theo nhu cầu xã hội	01	50	
11.	Phòng hội nghị	03	250	
12.	Phòng văn thư	01	40	
13.	Ban Quản lý Ký túc xá	01	50	
14.	Phòng khám bệnh	01	1000	
15.	Bộ môn Nội - Truyền nhiễm	01	40	
16.	Bộ môn Ngoại	01	40	
17.	Bộ môn Sản	01	40	
18.	Bộ môn Nhi	01	40	
19.	Bộ môn Xét nghiệm	01	40	

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
20.	Bộ môn Y cơ sở	01	40	
21.	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	01	40	
22.	Bộ môn Y tế công cộng	01	40	
23.	Bộ môn Điều dưỡng	01	40	
24.	Bộ môn Dược	01	40	
25.	Bộ môn Chuyên khoa	01	40	
26.	Bộ môn PHCN – Đông Y	01	40	
27.	Bộ môn Khoa học tự nhiên	01	40	
28.	Bộ môn Ngoại ngữ	01	40	
29.	Bộ môn LLCT - GDTC&QP	01	40	
30.	Phòng nghỉ giáo viên	03	90	
	TỔNG	44	2850	

Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.

TT	Tên công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1.	Sân thể thao	02	1500	
2.	Căng tin	01	500	
3.	Ký túc xá	60 (Phòng)	3000	
4.	Phòng khám bệnh đa khoa	20	1500	
5.	Hội trường lớn	01	500	
6.	Phòng đa phương tiện	01	200	

1.2. Danh mục các phòng:

- Phòng học lý thuyết: ; Diện tích: bình quân: 5.5 m²/chỗ học (*Đảm bảo diện tích theo quy định*).
- Phòng thực hành, thực tập tại khu thực hành: phòng thực hành; diện tích trung bình đảm bảo 5,5 m²/chỗ học/ tại 1 thời điểm (bố trí 02 ca học sáng, chiều/ngày).

Thực tế đáp ứng 200 % chỉ tiêu khi sử dụng 2 buổi sáng/ chiều/ ngày.

STT	Phòng thực hành	Số phòng	Ghi chú
1.	Phòng lý thuyết:	05	225
2.	Phòng học Tin học	02	200
3.	Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ	01	75
4.	Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng	01	75
5.	Phòng thực hành Giải phẫu	02	120
6.	Thực hành Sinh lý – Lý sinh	01	60
7.	Phòng thực hành Sinh học	01	60
8.	Phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng	01	60
9.	Phòng thực hành Hóa học	01	60
10.	Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng	02	120
11.	Phòng thực hành Tiên lâm sàng (Thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực)	01	100
12.	Phòng thực hành Phục hình răng	03	100
13.	Phòng thực hành Nha	02	180
	Tổng	23	1435

1.3. Thiết bị, dụng cụ đào tạo: Đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết theo danh mục tối thiểu quy định của Bộ LĐTBXH cho các ngành nghề. Số lượng các phòng cụ thể như sau:

Phòng 1. Phòng lý thuyết:

Giảng dạy kiến thức các môn học chung, kiến thức lý thuyết của các môn học, mô đun của chương trình đào tạo các ngành nghề. Đồng thời phòng lý thuyết có chức năng rèn luyện, phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, thuyết trình về kiến thức hiểu biết chung và kiến thức chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
------------	--	---------------	-----------------

I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Bàn, ghế,	Bộ	20
5	Bảng tiêu chuẩn	Chiếc	1

Phòng 2. Phòng học Tin học:

Giảng dạy thực hành, tích hợp, rèn luyện các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thuộc 1 trong 6 môn học chung .

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính – kèm các phần mềm chuyên dùng	Bộ	48
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Ôn áp điện	Chiếc	4
6	Bàn ghế phù hợp	Bộ	48

Phòng 3. Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như *Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Tư vấn sử dụng thuốc, Sử*

dụng thuốc trong điều trị, Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm... có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính – Kèm hệ thống phần mềm chuyên dùng	Bộ	36
3	Hệ thống màn hình thông minh	Chiếc	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tai nghe	Bộ	36
	Các phần mềm tích hợp		
6	Các phần mềmtra cứu thôngtin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
7	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
II	Dụng cụ		
1.	Bộ bàn ghế	Bộ	36
2.	Bảng di động	Chiếc	1

Phòng 4. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng:

Dùng giảng : Cho các học phần: Dinh dưỡng tiết chế - Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dịch tể học, Y xã hội, Điều dưỡng cộng đồng, Sức khoẻ - Vệ sinh – Môi trường; Pháp luật – Tổ chức y tế....)

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1

3	Máy quay phim video, máy ảnh, ghi âm	Bộ	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	1
8	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	1
9	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
10	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	1
11	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ Truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	1
12	Máy quay phim Video	Chiếc	1
13	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	1
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
15	Giường người bệnh	Chiếc	1
II	Dụng cụ		
1	Các vaccin mẫu - Vaccin phòng lao (BCG) - Vaccin viêm gan B - Vaccin sởi - Vaccin Bạch hầu – Ho gà – uốn ván - Vaccin bại liệt (uống)	Bộ	3
2	Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở. - Thuốc uống bù nước và điện giải - Paracetamol (500mg) - Thuốc trị cảm cúm - Băng chun y tế - Gạc tiệt trùng - Băng tam giác - Băng urgo	Túi	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Băng cuộn - Khẩu trang y tế - Găng tay - Băng dính vải - Povidine 10% 20ml - Natri clorid 0,9% - Băng viên - Băng cuộn - Nhiệt kế thủy ngân - Thuốc berberin - Dầu gió - Cồn 70^o - Oxy già - Kính bảo vệ mắt - Khẩu trang lọc độc 3M - Tấm nilon không thấm - Gạc đắp vết thương - Miếng khăn giấy tẩm cồn - Phác đồ cấp cứu - Hộp nhựa nhiều tầng 		
3	Đệm	Chiếc	1
4	Ga trải giường	Chiếc	1
5	Chăn	Chiếc	1
6	Gối	Chiếc	1
III	Học liệu		
1	Bộ tranh về: nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống tai nạn thương tích. Tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh	Bộ	3

	bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...		
2	Các bảng về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...	Bộ	3
3	Mô hình/tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	3
4	Tranh/Mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	3
5	Tranh/Mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Chiếc	3
6	Tranh/Mô hình mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	3
7	Hệ thống xử lý rác thải bệnh viện (Thực tập tại cơ sở Y tế)		

Phòng 5. Phòng thực hành giải phẫu

Giảng dạy thực hành giải phẫu các cơ quan trên cơ thể người: giải phẫu bộ xương, hệ cơ, thần kinh, các bộ phận trên cơ thể người... là cơ sở để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Sử dụng cho môn học giải phẫu của tất cả các chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
II	Dụng cụ		

1	Bộ xương người cỡ chuẩn	Bộ	1
2	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	1
3	Mô hình hộp sọ (7 phần)	Bộ	3
4	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng (13 phần)	Bộ	1
5	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ (30 phần)	Bộ	1
6	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu (27 phần)	Bộ	1
7	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	1
8	Mô hình cơ cánh tay - 6 mảnh	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu toàn thân (phủ tạng có thể tháo rời, có 36 phần)	Bộ	1
10	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	3
11	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	3
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	1
13	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	1
14	Mô hình tim	Chiếc	3
15	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	1
16	Mô hình phổi (7 mảnh)	Chiếc	3
17	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	3
18	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
19	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	3
20	Mô hình cơ quan sinh dục nam ***	Bộ	3
21	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ ***	Bộ	3
22	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng ***	Bộ	3
23	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	3
24	Mô hình mắt	Bộ	3
25	Mô hình da phóng đại	Chiếc	3
26	Mô hình tai phóng đại, 6 mảnh	Chiếc	3

27	Mô hình não	Chiếc	3
28	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	3
29	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	3
30	Mô hình cắt đứng qua chậu hông nữ	Chiếc	3
31	Mô hình chi trên/ chi dưới cắt lớp	Bộ	3
32	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	3
III	Học liệu		
1	Các tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Chiếc	3
2	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Chiếc	3
3	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Chiếc	3
4	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Chiếc	3
5	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Chiếc	3
6	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Chiếc	3
7	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Chiếc	3
8	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Chiếc	3
9	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Chiếc	3
10	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Chiếc	3
11	Các tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Chiếc	3
12	Các tranh giải phẫu - sinh lý da	Chiếc	3
13	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Chiếc	3
14	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Chiếc	3
15	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Chiếc	3
16	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Chiếc	3

Phòng 6. Thực hành Sinh lý – Lý sinh :

Giảng dạy thực hành thí nghiệm của môn học Sinh lý – Lý sinh – Sinh lý bệnh: chứng minh, giải thích các tính chất sinh lý của cơ thể, các giả thuyết về bệnh từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng, chăm sóc và điều trị bệnh.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số
------------	---------------------	---------------	-----------

			lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	27
4	Máy li tâm	Chiếc	1
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
8	Nồi hấp	Chiếc	1
9	Cân kỹ thuật	Chiếc	1
10	Nồi cách thủy	Chiếc	1
11	Tủ âm	Chiếc	1
12	Bộ bình cầu	Bộ	1
13	Bộ bình nón	Bộ	1
14	Cốc	Chiếc	1
15	Cốc có mỏ	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 50ml	Chiếc	1
	Loại 100ml	Chiếc	1
	Loại 250ml	Chiếc	1
	Loại 500ml	Chiếc	1
16	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	1
17	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	1
18	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc	1
19	Giá để tiêu bản	Chiếc	5
20	Tủ sấy	Chiếc	1
21	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	1
22	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	1

23	Khay chữ nhật	Chiếc	10
24	Khay hạt đậu	Chiếc	1
25	Kim lấy máu	Chiếc	200
26	Lá kính (lamen)	Chiếc	10
27	Ống đong có chia vạch	Chiếc	1
28	Ống nghiệm	Bộ	100
29	Bộ panh	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	1
	Loại cong không máu	Chiếc	1
	Loại thẳng có máu	Chiếc	1
	Loại thẳng không máu	Chiếc	1
30	Pipet	Chiếc	5
31	Tủ lạnh	Chiếc	1
32	Kính hiển vi kết nối hệ thống ti vi	Chiếc	1

Phòng 7. Phòng thực hành Sinh học :

Giảng dạy thực hành môn học : Sinh học đại cương - Di truyền học trong tất cả các ngành nghề đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Kính hiển vi quang học	Chiếc	20
5	Tủ lạnh	cái	1
6	Tủ đựng kính hiển vi	cái	3
7	Tủ kính KN(2mx1.5m)	cái	1
8	Tủ KN	cái	1

9	Khay men loại nhỏ 22x32cm, loại to 30x40cm.	cái	10
10	Giá để lam	cái	5
11	Giá cắm lam	cái	5
12	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	2
13	Hộp petri đựng bông cotton	Hộp	10
14	Bảng kiểm quy trình kỹ thuật.	cái	6
15	Bộ nhuộm tiêu bản	cái	2
16	Hộp đựng tiêu bản	cái	2
17	Chai nút mài thủy tinh 500ml	cái	5
18	Chai nút mài thủy tinh 100ml	cái	5
19	Cốc có mỏ 100ml	cái	5
20	Cốc có mỏ 200ml	cái	5
21	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	3
22	- Ống nghiệm thủy tinh.	cái	20
23	Lam kính, la men	Hộp	10
III	Học liệu		
1	Bộ tiêu bản mẫu gồm: -Tiêu bản tế bào thần kinh tủy sống. - Tiêu bản tế bào thần kinh đại não. -Tiêu bản mẫu phân bào nguyên nhiễm ở rễ hành. - Tiêu bản mẫu phân bào giảm nhiễm ở tinh hoàn châu chấu đực. - Tiêu bản mẫu vật thể Barr. - Tiêu bản máu dãn. - Tiêu bản mẫu bộ Nhiễm sắc thể....	Bộ	5
2	Bộ tranh về cấu tạo tế bào.	Bộ	2

	Bộ tranh về các giai đoạn phân chia tế bào.	Bộ	2
--	---	----	---

Phòng 8. Vi sinh – Ký sinh trùng

Giảng dạy thực hành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Vi sinh – Ký sinh trùng của các ngành nghề đào tạo và môn chuyên ngành của cao đẳng xét nghiệm.

Giảng dạy thực hành các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng:

+ Nghiên cứu các đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu tạo, di truyền,... của các vi sinh vật có lợi và có hại trong cơ thể người hoặc tác động đến cơ thể người.

+ Chẩn đoán bệnh vi sinh – ký sinh trùng nhằm giúp người bệnh có kết quả chính xác nhất về tình trạng bệnh đang mắc phải bằng các xét nghiệm Ký sinh trùng thông qua các dịch cơ thể, bệnh phẩm, ...

- Phục vụ các hoạt động nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các vi sinh vật đến cơ thể người để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Đèn cồn	Chiếc	3
4	Đồng hồ treo tường	Chiếc	1
5	Máy in	Chiếc	1
6	Máy ly tâm	Chiếc	2
7	Cân phân tích điện tử	Cái	1
8	Nhiệt kế theo dõi nhiệt độ tủ bảo quản	Chiếc	1
9	Nồi hấp	Chiếc	1
10	Tủ âm	Chiếc	1
11	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Thực hành tại cơ sở	Chiếc	1

	thực hành)		
12	Tủ lạnh	Chiếc	2
13	Tủ sấy	Chiếc	1
14	Kính hiển vi quang học	Chiếc	10
II	Dụng cụ		
1	Bể nhuộm bằng thủy tinh	Chiếc	6
2	Bình cầu	Bộ	3
3	Bộ Kim Kocher	Bộ	3
	- Loại cong có máu	Chiếc	1
	- Loại cong không máu	Chiếc	1
	- Loại thẳng có máu	Chiếc	1
	- Loại thẳng không máu	Chiếc	1
4	Bộ cốc có chân, gồm các loại:(<i>Kho phòng TH Hoá</i>)	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
	- Loại 250 ml	Chiếc	1
	- Loại 500 ml	Chiếc	1
	- Loại 1000 ml	Chiếc	1
5	Bộ cốc có mỏ, gồm các loại:	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
6	Bộ phễu, gồm:	Bộ	6
	- Phễu lọc	Chiếc	1
	- Giá đựng phễu lọc	Chiếc	1
7	Cối, chày các loại	Bộ	3
	- Đường kính miệng cối 10cm	Chiếc	1
	- Đường kính miệng cối 15cm	Chiếc	1
8	Đĩa peptri	Chiếc	54

9	Đĩa thạch Mueller-Hinton	Chiếc	6
10	Đũa thủy tinh	Chiếc	5
11	Hộp kháng thủng đựng vật sắc nhọn	Chiếc	3
12	Hộp lưu tiêu bản	Chiếc	3
13	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Chiếc	1
14	Kéo	Bộ	3
	- Kéo cong	Chiếc	1
	- Kéo thẳng	Chiếc	1
15	Khay đựng bệnh phẩm	Cái	3
16	Lọ đựng bệnh phẩm	Chiếc	6
18	Ống độ đục chuẩn McFarland	Chiếc	1
19	Ống đong có chia vạch	Bộ	3
20	Ống hút	Chiếc	18
21	Ống nghiệm , mỗi bộ gồm:	Bộ	3
	- Loại 15 ml	Chiếc	1
	- Loại 20 ml	Chiếc	1
	- Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	1
	- Giá kẹp ống nghiệm(<i>Phòng TH Hoá</i>)	Chiếc	1
22	Ống nghiệm chống đông	Chiếc	9
23	Ống nghiệm có nút bông	Chiếc	9
24	Ống nghiệm có nút vận	Chiếc	9
25	Ống nghiệm nhựa	Chiếc	6
26	Ống nghiệm thủy tinh	Chiếc	6
27	Ống nghiệm thủy tinh 15 - 20 ml	Chiếc	3
28	Panh nhựa (Dụng cụ thay thế)	Chiếc	3
29	Que cấy	Chiếc	3
30	Que cấy dung tích 1µl và 10µl	Chiếc	3
31	Que phết đờm	Chiếc	3
32	Que thủy tinh	Chiếc	3

33	Thùng đựng rác thải thông thường	Chiếc	1
34	Thùng đựng rác thải y tế	Chiếc	1
35	Thuốc kẹp(<i>Dụng cụ thay thế</i>)	Chiếc	1
36	Trụ cắm panh	Chiếc	3
37	Tiêu bản mẫu chứng giun sán	Bộ	1
38	Tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét	Bộ	1
39	Tiêu bản mẫu đơn bào	Bộ	1

Phòng 9. Phòng thực hành Hóa học:

Giảng dạy thực hành chứng minh các hiện tượng hoá học, phản ứng hoá học, định tính, định lượng các chất hoá học ... thuộc môn học Hoá học trong tất cả các chương trình đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1.	Máy vi tính	Bộ	1
2.	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3.	Cân phân tích	Chiếc	2
4.	Tủ sấy	Chiếc	1
5.	Tủ đựng hóa chất có lọc hấp	Chiếc	1
6.	Bếp điện	Cái	1
II	Dụng cụ		
1	Dụng cụ các phương pháp chuẩn độ - Buret (25ml) - Giá đỡ buret - Bình định mức (100ml) - Bình nón (100ml) - Cốc chân - Ống đong - Đũa thủy tinh (30cm)	Bộ	5

	- Chén cân		
2	Cốc có mỏ 500ml	Cái	5
3	Cốc có mỏ 100ml	Cái	15
4	Ống nghiệm 15mm	Cái	50
5	Pipet 1ml	Cái	2
6	Pipet 2ml	Cái	1
7	Pipet 5ml	Cái	2
8	Pipet 10ml	Cái	10
9	Pipet bầu 10ml	Cái	3
10	Bình nón 500ml	Cái	5
11	Bình nón 100ml	Cái	20
12	Bình thủy tinh có nút mài 100ml	Cái	9
13	Bình thủy tinh có nút mài 500ml	Cái	7
14	Bình thủy tinh có nút mài 1000ml	Cái	2
15	Bình công tơ hút 100ml	Cái	30
16	Bình công tơ hút 125ml	Cái	30
17	Bình định mức 100ml	Cái	6
18	Bình định mức 500ml	Cái	2
19	Bình định mức 1000ml	Cái	2
20	Bát sứ (đường kính 6,5cm)	Cái	4
21	Cốc chân 500ml	Cái	2
22	Ống đong 10ml	Cái	8
23	Càng cu kẹp buret kim loại	Cái	8
24	Lưới amiang	Cái	5
25	Mặt kính đồng hồ	Cái	6
26	Giá đèn cồn	Cái	5
27	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	1
28	Đũa thủy tinh (30cm)	Cái	5
29	Bình hút âm	Cái	1

31	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	20
32	Chén nung	Cái	4
33	Kẹp gỗ	Cái	8
34	Quả bóp cao su	Cái	4

Phòng 10. Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng (Phòng Đ D 1; 2)

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Cụ thể người học sẽ được hướng dẫn và thực hành các kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh vô khuẩn thầy thuốc, người bệnh, môi trường, kỹ thuật tiêm truyền, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám bệnh, chăm sóc người bệnh, cho người bệnh uống thuốc, vệ sinh cho người bệnh...

Dùng để giảng môn: Điều dưỡng cơ bản 1, 2, Điều dưỡng và cấp cứu ban đầu, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý điều dưỡng thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	3
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Giường người bệnh	Chiếc	4
5	Tủ đầu giường*	Chiếc	1
6	Cáng*	Chiếc	1
7	Xe cáng người bệnh	Chiếc	1
8	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	1
9	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	3
10	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	5
11	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	3

12	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
13	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
14	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	5
II	Dụng cụ		
1	Bảng	Chiếc	1
2	Đệm	Chiếc	4
3	Chăn	Chiếc	4
4	Ga trải giường	Chiếc	5
5	Gối	Chiếc	4
6	Đệm nước*	Chiếc	1
7	Đệm hơi*	Chiếc	1
8	Dụng cụ rửa tay - Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt - Kéo cắt móng tay - Trụ cắm kim - Panh Kocher - Bàn chải mềm - Hộp đựng khăn vô khuẩn - Hộp đựng dung dịch khử khuẩn - Cốc - Tạp dề - Túi đựng đồ bẩn	Bộ	1
9	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Bộ	5
10	Các loại săng - Săng mổ - Săng có lỗ - Săng trải giường - Tấm lót	Bộ	5
11	Bô các loại	Bộ	3

	- Bô dẹt - Bô vệt		
12	Xô các loại	Bộ	3
13	Chậu các loại	Bộ	3
14	Túi đựng dụng cụ cấp cứu*	Túi	1
15	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	3
16	Mô hình tiêm mông	Bộ	3
17	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	5
18	Mô hình thụt tháo	Bộ	3
19	Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch)	Bộ	3
20	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	3
21	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	3
22	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	3
23	Dụng cụ chườm - khay chữ nhật - Trụ cắm Panh Kocher - Panh Kocher - Túi chườm - Cốc - Khăn bông to, nhỏ - Chậu + ca - Vò đập đá - Phích đựng nước nóng	Bộ	3
24	Dụng cụ tiêm - khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có mẫu	Bộ	5

	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cotton - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Dây garo và gối nhỏ 		
25	<p>Dụng cụ truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có máu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cotton - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Cọc truyền inox 2 tai treo - Khay hạt đậu - Bộ thử test đầu giường - Dây garo và gối nhỏ 	Bộ	3
26	<p>Dụng cụ cho người bệnh uống thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Cốc đựng thuốc - Bình nước - Cốc chia vạch - Thìa gạt 	Bộ	3
27	<p>Dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Trụ cắm panh - Panh kocher - Hộp đựng bông gạc - Que bệt 	Bộ	3
29	<p>Dụng cụ cho ăn bằng đường miệng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay inox 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Săng - Khay hạt đậu - Cốc đựng nước chín - Cốc đựng thức ăn - Bát và 2 thìa - Chậu 		
30	<p>Dụng cụ cho ăn bằng đường thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay inox - Săng - Khay hạt đậu - Ống nghe tim phổi - Ống thông Clini - Ống thông Levin - Bơm tiêm 50ml - Cốc đựng nước chín - Cốc đựng thức ăn - Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin - Hộp tròn đựng bông cầu - Đè lưới - Chậu 	Bộ	3
31	<p>Dụng cụ hút đờm rãi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy hút dịch 2 bình - Sonde các loại - Khay hạt đậu - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Cốc đựng nước chín - Hộp đựng bông gạc 	Bộ	2
32	<p>Dụng cụ chăm sóc răng miệng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay inox 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Khay hạt đậu - Hộp inox đựng bông cầu - Ca đựng nước, bình đựng nước - Đè lưới - Kim mở miệng - Bàn chải 		
33	<p>Dụng cụ rửa mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậu - Máy cạo râu* - Khăn rửa mặt 	Bộ	3
34	<p>Dụng cụ chải đầu, gội đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy sấy tóc - Khay - Khay hạt đậu - Máng gội đầu* - Lược- Xô*- Chậu*- Ca 	Bộ	3
35	<p>Dụng cụ tắm tại giường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Trụ cắm panh - Panh thẳng có máu - Hộp đựng bông gạc - Ca - Thùng - Chậu - Bình phong 	Bộ	3
36	<p>Dụng cụ thay băng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Kéo thẳng 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher - Kẹp phẫu tích 		
37	<p>Dụng cụ rửa vết thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay inox - Kéo thẳng - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher thẳng - Kẹp phẫu tích - Chậu inox 	Bộ	3
38	<p>Dụng cụ cắt chỉ vết thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Kéo thẳng - Kéo cong - Cốc - Hộp tròn inox - Panh Kocher - Kẹp phẫu tích 	Bộ	3
39	<p>Dụng cụ thắt tháo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Trụ cắm panh - Panh Kocher - Bộc thắt - Dây cao su mềm - Canuyn và khóa van - Chậu- Ca - Cốc - Gói - Bô 	Bộ	3

	- Quả bóp cao su và thông Nelaton		
40	<p>Dụng cụ cho người bệnh thở ôxy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình oxy - Dây thở oxy 2 nhánh - Bình làm ẩm - khay - Kéo - Hộp đựng bông gạc - Ống sonde Nelaton - Mask thở oxy 	Bộ	3
41	<p>Dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay - Trụ cầm panh * - Kim kocher - khay hạt đậu - Cốc - Bơm tiêm 50ml - Sonde Levin 	Bộ	3
42	<p>Dụng cụ rửa dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay - Trụ cầm panh - Kim kocher - Ống faucher - khay hạt đậu - Bơm tiêm 50ml - Cốc - Kim mở miệng - Đè lưới - Xô* - Chậu 	Bộ	3

43	<p>Dụng cụ lấy máu xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay* - Trụ cầm panh* - Kim kocher - Dây garo - Gối - Cốc* - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Ống nghiệm 	Bộ	3
44	<p>Dụng cụ lấy phân xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lọ đựng phân - Bô* 	Bộ	3
45	<p>Dụng cụ lấy nước tiểu xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh* - Kim kocher thẳng - Cốc - Khay hạt đậu* - Ống nghiệm và giá - Ống đong có chia vạch - Bô* - Sonde Nelaton 	Bộ	3
46	<p>Dụng cụ lấy dịch tiết xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống nhỏ - Ống nghiệm vô khuẩn - Lam kính 	Bộ	3
47	<p>Dụng cụ rửa bàng quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh inox* - Kim kocher thẳng 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo - Cốc* - Khay hạt đậu* - Sonde Nelaton 		
48	<p>Dụng cụ chọc dò dịch não tủy (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cấm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò tủy sống - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy 	Bộ	3
49	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng bụng (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cấm panh - Panh Kocher thẳng -Kéo -Kim chọc dò - Bơm tiêm 20ml, 50ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu ổ bụng 		
50	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng phổi (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò Terumo - Bơm tiêm 20ml, 50ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu màng phổi 	Bộ	3
51	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng tim (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng - Kéo - Kim chọc dò - Bơm tiêm 20 ml, 50 ml - Cốc - Khay hạt đậu - Đèn cồn 	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghiệm - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Dây dẫn lưu màng tim 		
52	<p>Dụng cụ phòng, chống loét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trụ cắm panh* - Kim kocher thẳng* - Chậu - Cốc* - Đệm hơi, nước 	Bộ	3
53	<p>Dụng cụ sơ cứu gãy xương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cánh nhựa mặt cứng - Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh) - Băng buộc - Băng tam giác - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Chăn bông - Gói 	Bộ	3
54	<p>Dụng cụ sơ cứu vết thương đứt động mạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Băng Esmarch - Băng - Băng tam giác - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ 	Bộ	3
55	<p>Dụng cụ đo lượng dịch vào ra cơ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca chia vạch - Cốc có chia vạch - Ống đong 	Bộ	3
56	<p>Dụng cụ đặt nội khí quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật 	Bộ	2

	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nội khí quản - Đèn soi thanh quản - Hộp cấp thuốc cứu phản vệ* - Ống sonde - Bóng ambu - Bình làm ẩm - Cốc* - Bình oxy - Máy hút hai bình 		
57	<p>Dụng cụ mở khí quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - khay chữ nhật - Trụ cắm panh* - Kim kocher thẳng có máu* - Kéo - Cốc* - Kẹp phẫu tích - Kim mang kim - Kim khâu da - Dao mổ + cán dao - Kẹp Farabeuf - Bóng ambu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ* - khay hạt đậu* - Hộp chữ nhật - Hộp tròn 	Bộ	3
58	<p>Dụng cụ đặt Catheter</p> <p>(Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p>	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng có máu - Kéo - Cốc - Kẹp phẫu tích có máu - Kim mang kim - Kim khâu da + chỉ line - Dây truyền - Khay hạt đậu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Sonde catheter - Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Hộp an toàn 		3
59	Dụng cụ cấp cứu <ul style="list-style-type: none"> - Bóng ambu - Mask thở - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ* 	Bộ	3
60	Băng các loại <ul style="list-style-type: none"> - Băng cuộn - Băng chun - Băng Esmarch 	Bộ	10
III	Học liệu		
1	Các bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, sử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	1
2	Các quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	3

Phòng 11: Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực (Phòng tiền lâm sàng)

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh.
 Người học sẽ được thực hành các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh;
 chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc làm các thủ thuật cấp cứu...

Dùng để giảng môn: Điều dưỡng cơ bản 1, 2, Điều dưỡng và cấp cứu ban đầu, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý điều dưỡng thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường.

Giảng thực hành tiền lâm sàng của các bộ môn : Nội, ngoại, Sản, Nhi, Truyền nhiễm , LCK...

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
I	Thiết bị		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Giường người bệnh	Chiếc	4
5	Tủ đầu giường*	Chiếc	1
6	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	4
7	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
8	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
9	Máy truyền dịch	Bộ	3
10	Máy điện tim	Bộ	2
11	Máy monitoring theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Bộ	2
12	Máy thở (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
13	Dụng cụ hút đờm rãi** - Máy hút dịch 2 bình - Sonde các loại - Khay hạt đậu	Bộ	1

	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ cầm panh - Panh thẳng có máu - Cốc đựng nước chín - Hộp đựng bông gạc 		
14	Máy phá rung (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
15	Phế dung kế (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
16	Máy nhỏ giọt thức ăn vào dạ dày (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1
17	Máy tiêm tĩnh mạch	Chiếc	3
18	Xe đẩy dùng cho người bệnh**	Chiếc	1
19	Đèn đọc phim (Phòng TH Chẩn đoán HA)	Chiếc	1
20	Hệ thống khử khuẩn (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
21	Bàn mổ tổng hợp (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Chiếc	1
22	Bộ dụng cụ đặt nội khí quản khó có màn hình Camera (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
23	Bộ đèn nội khí quản khó 3 lưới	Bộ	2
II	Dụng cụ		
1	Đệm	Chiếc	4
2	Chăn	Chiếc	4
3	Ga trải giường	Chiếc	4
4	Gối	Chiếc	4
5	Dụng cụ truyền** <ul style="list-style-type: none"> - khay inox - Săng 50 x 50 cm 	Bộ	5

	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có máu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cotton - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Cọc truyền inox 2 tai treo - Khay hạt đậu - Bộ thử test đầu giường - Dây garo và gói nhỏ 		
6	<p>Dụng cụ cấp cứu**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóng ambu - Mask thở - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ 	Bộ	2
7	Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch)**	Bộ	2
8	<p>Dụng cụ đặt nội khí quản**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Ống nội khí quản - Đèn soi thanh quản - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Ống sonde - Bóng ambu - Bình làm ẩm - Cốc - Bình oxy - Máy hút hai bình 	Bộ	1
9	<p>Dụng cụ mở khí quản**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cắm panh - Panh Kocher thẳng có máu 	Bộ	2

	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo - Cốc - Kẹp phẫu tích - Kìm mang kim - Kim khâu da - Dao mổ + cán dao - Kẹp Farabeuf - Bóngambu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Khay hạt đậu - Hộp chữ nhật - Hộp tròn 		
10	<p>Dụng cụ đặt Catheter (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Kìm kocher thẳng có máu - Kéo - Cốc - Kẹp phẫu tích có máu - Kìm mang kim - Kim khâu da + chỉ line - Dây truyền - Khay hạt đậu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Sonde catheter - Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Hộp an toàn 	Bộ	2

11	<p>Dụng cụ chườm**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cắm Panh Kocher - Panh Kocher - Túi chườm - Cốc - Khăn bông to, nhỏ - Chậu + ca - Vô đập đá - Phích đựng nước nóng 	Bộ	1
12	<p>Dụng cụ tiêm**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay inox - Săng 50 x 50 cm - Trụ cắm panh - Panh tiêm thẳng có máu - Kéo thẳng - Hộp tròn đựng bông cotton - Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ - Dây garo và gói nhỏ 	Bộ	5
13	<p>Dụng cụ cho người bệnh uống thuốc**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Cốc đựng thuốc - Bình nước - Cốc chia vạch - Thìa gạt 	Bộ	3
14	<p>Dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Trụ cắm panh - Kim kocher - Khay hạt đậu 	Bộ	2

	<ul style="list-style-type: none"> - Cốc - Bơm tiêm 50ml - Sonde Levin 		
15	<p>Dụng cụ rửa dạ dày**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay - Trụ cắm panh - Panh Kocher - Ống faucher - Khay hạt đậu - Bơm tiêm 50ml - Cốc - Kim mở miệng - Đè lưới - Xô - Chậu 	Bộ	2
16	<p>Dụng cụ thông tiểu**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Kẹp kocher - Thông nelaton - Cốc - Khay hạt đậu - Ống nghiệm và giá - Bô 	Bộ	3
17	<p>Dụng cụ rửa bàng quang**</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khay chữ nhật - Trụ cắm panh inox - Panh Kocher thẳng - Kéo - Cốc - Khay hạt đậu 	Bộ	3

	- Sonde Nelaton		
18	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn**	Bộ	5
19	Các loại săng** - Săng mổ - Săng có lỗ - Săng trải giường - Tấm lót	Bộ	5
20	Băng các loại** - Băng cuộn - Băng chun - Băng Esmarch	Bộ	10
21	Bô các loại** - Bô dẹt - Bô vệt	Bộ	2
22	Xô các loại**	Bộ	2
23	Chậu các loại**	Bộ	2
24	Dụng cụ rửa tay** - Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt - Kéo cắt móng tay - Trụ cầm kim - Panh Kocher - Bàn chải mềm - Hộp đựng khăn vô khuẩn - Hộp đựng dung dịch khử khuẩn - Cốc - Tạp dề - Túi đựng đồ bẩn	Bộ	1
25	Ống dẫn lưu các loại: Sonde folley 2 chạc, Sonde folley 3 chạc, Sonde nelaton, Sonde đặt dạ dày	Chiếc	10

III	Học liệu		
1	Các loại phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điện hình như: Thùng dạ dày, gãy xương,...	Bộ	1
2	Các quy trình cấp cứu	Bộ	1

Phòng 29. Phòng thực hành Phục hình răng

Thực hành môn học: Vật liệu nha, Kỹ thuật phục hình tháo lắp từng phần, KT phục hình cố định....

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)/ Smart TV	Bộ	01
3	Mô hình răng(Bộ gồm 5 mô hình)	Mô hình	2
4	Mô hình hướng dẫn đánh răng		2
5	Mô hình răng	Mô hình	2
6	Mô hình hàm răng	Mô hình	2
7	Bàn làm việc HVB 17 nâu	Chiếc	1
8	Ghế xoay Hòa Phát nhỏ	Chiếc	2
9	Ghế xoay Hòa Phát to	Chiếc	1
10	Ghế cần hơi GX 14A	Chiếc	1
11	Ghế Xuân Hòa G01	Chiếc	8
12	Ổ cắm Lioa 3+4 lỗ	Chiếc	1
13	Tủ Hòa Phát có kính khung sắt	Chiếc	1
14	Tủ sắt 8 cánh Hòa Phát	Chiếc	1
15	Bảng đo khám thị lực dùng điện VN	Chiếc	1

16	Bảng từ trắng kt 80.1,2 m	Chiếc	5
17	Rèm vải gấm cản quang TQ	Chiếc	1
18	Micromotor-model: Marathon- HQ	Chiếc	4
19	Ổ cắm truyền 6 lỗ	Chiếc	8
20	Bộ lấy cao răng thông thường	Bộ	4
21	Panh cong cầm máu	Chiếc	1
22	Panh thẳng không máu 16cm	Chiếc	17
23	Gấp nha khoa	Chiếc	33
24	Khay quả đậu inox	Chiếc	9
25	Cặp gấp bông	Chiếc	2
26	Khay quả đậu men	Chiếc	19
27	Gương khám răng có cán	Chiếc	21
28	Hộp hấp bông gạc Inox f21	Chiếc	3
29	Kéo thần kinh	Chiếc	1
30	Kéo cắt băng	Chiếc	2
31	Kéo cắt thép cố định	Chiếc	1
32	Bộ đánh bóng	Chiếc	1
33	Bẫy tam giác	Chiếc	1
34	Tách lợi	Chiếc	1
35	Que đánh chất hàn	Chiếc	2
36	Que nạo ngà	Chiếc	1
37	Dao sáp	Chiếc	20
38	Cán dao mổ 3,4,7	Chiếc	2
39	Thám trâm các loại	Chiếc	7
40	Thìa lấy khuôn nhựa	Chiếc	72
41	Panh cose không máu 20cm	Chiếc	2
42	Panh cặp sãng	Chiếc	1
43	Panh cong không máu 1,2.1,6m	Chiếc	12
44	Hộp nhôm tròn f25cm	Chiếc	2

45	Mỏ vít mũi	Chiếc	4
46	Hộp đựng dụng cụ inox (32.20)	Chiếc	8
47	Hộp đựng dụng cụ Inox(32.18)	Chiếc	3
48	Máy mài răng giả	Chiếc	2
49	Tay khoan hàm dưới	Chiếc	10
50	Tay khoan hàm trên	Chiếc	9
51	Bẫy nhổ răng hàm dưới	Chiếc	4
52	Hộp nhôm tròn 35cm	Chiếc	1
53	Que nhồi Composite	Chiếc	2
54	Tay khoan 4 lỗ	Chiếc	1
55	Bô lấy cao răng	Chiếc	10
56	Bay đánh thạch cao	Chiếc	5
57	Nong	Chiếc	5
58	Dũa	Chiếc	5
59	Tua treo	Chiếc	14
60	Hộp đựng bông Inox	Chiếc	2
61	Thùng đựng rác thải	Chiếc	1

Phòng 30. Phòng thực hành Nha

Thực hành môn học: Bệnh lý RHM, Điều trị dự phòng nha khoa 1, 2, Điều dưỡng nha, Tổ chức quản lý labol răng.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị	Số lượng
I.	Tài sản cố định		
1.	Máy vi tính	Bộ	01
2	Smart TV	Chiếc	01
3.	Mô hình răng(Bộ gồm 5 mô hình)	Mô hình	2
II.	Vật tư, dụng cụ		

1.	Ghế máy nha khoa	Cái	2
2.	Máy nén khí	Cái	1
3.	Đèn quang trùng hợp	Cái	1
4.	Máy siêu âm lấy cao răng	Cái	2
5.	Máy định vị chóp	Cái	1
6.	Đèn đọc film (40x60cm)	Cái	1
7.	Tay khoan nhanh 4 lỗ	Cái	4
8.	Tay khoan chậm	Cái	2
9.	Bơm tiêm Osung	Cái	1
10.	Gương nha khoa	Cái	20
11.	Kẹp gấp nha khoa	Cái	20
12.	Thám trâm	Cái	10
13.	Cây hàn vàng chống dính	Cái	2
14.	Dao tia sáp cán gỗ	Cái	2
15.	Đèn cồn thủy tinh to	Cái	3
16.	Bát cao su trộn chất lấy dầu	Cái	5
17.	Bay trộn chất lấy dầu (Inox)	Cái	3
18.	Bây thẳng	Cái	3
19.	Bây cong	Cái	5
20.	Bóc tách lợi	Cái	2
21.	Cán dao mổ	Cái	2
22.	Cây đặt chỉ co lợi	Cái	2
23.	Cây nạo ngà đầu to	Cái	2
24.	Cây nạo ngà đầu nhỏ	Cái	2
25.	Tháo mào, cầu *	Cái	2
26.	Hộp hấp file hình chữ nhật.	Cái	2
27.	Hộp hấp mũi khoan hình tròn	Cái	2
28.	Kéo cắt chỉ nhỏ	Cái	2
29.	Kẹp giấy nhám *	Cái	2

30.	Khay khám Inox	Cái	10
31.	Lọ cầm dụng cụ	Cái	3
32.	Máy đo huyết áp	Cái	3
33.	Cốc thủy tinh (Hoặc cốc nhựa)	Cái	2
34.	Thước đo nội nha	Cái	2
35.	Bộ thìa lấy dầu Inox	Bộ	2
36.	Bộ kim người lớn	Bộ	2
37.	Bộ kim trẻ em	Bộ	2
38.	Bay trộn chất hàn(Inox)	Cái	2
39.	Tấm kính đánh chất hàn	Cái	1
41.	Ghế xoay Hòa Phát	Cái	1
42.	Thùng đựng rác thải	Cái	1
46.	Ghế ngồi	Cái	18
47.	Ổ cắm Lioa 4 lỗ	Cái	4
48.	Tủ Hòa Phát có kính khung sắt	Cái	2

1.4.Nhà giáo:

: Số lượng, chất lượng nhà giáo (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề; nghiệp vụ sư phạm; trình độ tin học, ngoại ngữ): 53 Giáo viên cơ hữu (32 nhà giáo môn chung – 21 gv chuyên ngành), 16 giáo viên kiêm chức, đảm bảo theo quy định tối đa 25 SV/1 nhà giáo.

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
1.	Nguyễn Hồng Văn	x		RHM		x			X
2.	Lê Thị Hải Yến	x		Bác sỹ		x			X
3.	Đỗ Thị Vân Anh	x		Bác sỹ		x			X
4.	Nguyễn Thị Hằng	x		RHM			x		X
5.	Nguyễn Thị Hà Linh	x		RHM			x		X

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
6.	Nguyễn Ngọc Thuý Hồng	x		Điều dưỡng			x		X
7.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	x		Điều dưỡng			x		X
8.	Bùi Huyền Trang	x		Điều dưỡng			x		x
9.	Trương Thị Nam	x		Điều dưỡng			x		
10.	Hoàng Thị Thùy	x		Bác sỹ		x			
11.	Nguyễn Minh Huyền	x		TMH		x			
12.	Nguyễn Thị Thúy	x		Bác sỹ			x		
13.	Trịnh Thị Thu Hiền	x		Bác sỹ			x		
14.	Nguyễn Quốc Thịnh	x		Bác sỹ			x		
15.	Đinh Thị Thu Hằng	x		Bác sỹ			x		
16.	Trần Thị Hằng	x		Dược			x		
17.	Trần Vân Anh	x		Điều dưỡng			x		
18.	Nguyễn Thị Hà	x		Điều dưỡng			x		
19.	Trịnh Thị Phượng	x		Toán		x			
20.	Ngô Thị Ngọc Lê	x		Hóa		x			
21.	Lê Thị Lan Oanh	x		Hoá		x			
22.	Bùi Quang Tuấn		x	RHM		x			
23.	Nguyễn Hữu Thanh		x	RHM		x			
24.	Lương Xuân Tuấn		x	Bác sỹ	x				
25.	Bùi Thị Thủy		x	Bác sỹ		x			
26.	Lê Bá Vũ		x	Dược			x		
27.	Nguyễn Thị Trang		x	Dược			x		
28.	Lê Văn Đông		x	Răng		x			
29.	Lê Bá Hân		x	Răng		x			
30.	Nguyễn Văn Hòa		x	Bác sỹ		x			
31.	Trịnh Thị Thu Hằng		x	Điều dưỡng			x		

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
32.	Đỗ Thị Hằng		x	Điều dưỡng			x		
33.	Nguyễn Thị Lê		x	Điều dưỡng			x		
34.	Lê Thị Kim Giang		x	Điều dưỡng			x		
35.	Nguyễn Văn Quang		x	T-M-H	x				
36.	Lê Thị Hạnh		x	Điều dưỡng			x		
37.	Ngô Thị Lại		x	Điều dưỡng			x		

1.5. CƠ SỞ THỰC HÀNH KÝ KẾT VỚI NHÀ TRƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2017/NĐ-CP

Hiện tại, Nhà trường đã ký hợp đồng đào tạo thực hành lâm sàng với tất cả các Bệnh viện đảm bảo điều kiện là cơ sở thực hành theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe gồm 25 bệnh viện

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa
2. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa
3. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa
4. Bệnh viện Mắt Thanh Hóa
5. Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa
6. Bệnh Viện Tâm thần Thanh Hóa
7. Bệnh viện Đông Y
8. Bệnh viện Phổi Thanh Hóa
9. Bệnh viện Phục hồi chức năng Trung Ương
10. Bệnh viện đa khoa Thành phố Thanh Hóa
11. Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung

12. Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định
13. Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa
14. Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước
15. Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn
16. Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy
17. Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát
18. Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành
19. Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành
20. Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương
21. Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn
22. Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Lặc
23. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa
24. Bệnh viện đa khoa huyện Tĩnh Gia
25. Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh
26. Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân
27. Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc
28. Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống
29. Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân
30. Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn
31. Bệnh viện đa khoa Hoàng Hóa

1.6. Chương trình đào tạo: Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới chương trình đào tạo cho tất cả các chuyên ngành, các cấp đào tạo đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo đồng thời mang tính ổn định, cập nhật, phù hợp với định hướng phát triển, xây dựng nhà trường thành Trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể:

(Nội dung chi tiết có file đính kèm công khai tại website của trường).

Tên ngành, nghề: **Kỹ thuật phục hình răng (Dental Technology)**

Mã ngành, nghề: **6720605**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Đối tượng tuyển sinh: **Tốt nghiệp THPT và tương đương**

Thời gian đào tạo: **3 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hình răng có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở, công nghệ và mỹ thuật vững chắc; đủ kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành để thực hiện chế tác trong Labo phục hình răng: phục hình tháo lắp, phục hình cố định răng, có khả năng quản lý về chuyên môn và trang thiết bị của một labo răng hàm mặt và làm các kỹ thuật nha khoa: trám răng sâu ngà, nhổ răng tiêu phẫu, điều trị nội nha, chăm sóc sức khỏe răng miệng; có ý thức làm việc theo nhóm và có khả năng tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và tự đào tạo đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định, đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp;
- Trình bày được các quy định Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;
- Giải thích các kiến thức cơ bản chung về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học, dược lý, cấp cứu ban đầu vào công việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người bệnh.
- Trình bày được kiến thức về giải phẫu, sinh lý răng miệng, hệ thống nhai.
- Có kiến thức cơ sở về khoa học, mỹ thuật và công nghệ hiện đại ứng dụng trong kỹ thuật phục hình răng
- Có kiến thức vững chắc về phục hình răng, phục hình hàm mặt, chỉnh hình
- Có kiến thức vững chắc về bệnh lý răng hàm mặt, chăm sóc sức khỏe răng miệng.
- Có kiến thức vững chắc kỹ thuật điều trị điều trị dự phòng nha khoa như kỹ thuật lấy cao răng đánh bóng, trám răng sâu ngà, nhổ răng, điều trị tủy răng.
- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật – công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành kỹ thuật phục hình răng.

- Có kiến thức cấu trúc và tính chất vật lý, tính tương hợp sinh học của vật liệu nha khoa;
- Nắm vững thành phần của từng loại vật liệu – vai trò và tính chất của các chất tham gia cấu thành vật liệu; chỉ định và phương pháp sử dụng của từng loại vật liệu...
- Hiểu được các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số trang thiết bị thuộc ngành kỹ thuật phục hình răng.
- Có đầy đủ kiến thức về cách tổ chức phòng nha học đường,
- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.
- Hiểu biết về pháp luật và các chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

1.2.2. Về kỹ năng

- Tổ chức, đón tiếp, hướng dẫn, giúp đỡ và chuẩn bị bệnh nhân trước khi tiến hành các thủ thuật chăm sóc răng miệng.
- Làm được các kỹ thuật như lấy cao răng đánh bóng, trám răng sâu ngà, điều trị tủy răng nhỏ răng, chăm sóc sức khoẻ răng miệng tại các cơ sở khám chữa bệnh răng hàm mặt.
- Phụ giúp thầy thuốc khi nhổ răng, chữa răng và phục hình răng.
- Thành thạo các kỹ thuật trong labol phục hình răng như cố định, tháo lắp toàn phần, từng phần, khung bộ thường, khung liên kết, sứ, chỉnh hình răng mặt....
- Thực hành thành thạo quy trình kỹ thuật phục hình hàm giả tháo lắp, sửa chữa hàm bị gãy và thay thế các răng của hàm giả bị gãy.
- Bước đầu phối hợp với bác sĩ răng hàm mặt để thực hiện các phục hình khó và loại phục hình đặc biệt;
- Thành thạo cách viết các giấy tờ sổ sách và phiếu theo dõi tại khoa phòng khám răng hàm mặt.
- Thực hành thành thạo các biện pháp vô khuẩn trong nha khoa, chăm sóc người bệnh răng miệng.
- Thực hiện các kỹ thuật cầu răng, chụp răng, hàm giả tháo lắp, bẻ móc thép, thay thế hàm giả gãy, thêm và thay răng hàm giả bị mất và tiếp cận các kỹ thuật mới trong phục hình.
- Quản lý, sử dụng, bảo quản và phát triển, vận hành trang thiết bị trong labol phục hình răng;
- Quản lý và sử dụng trang thiết bị tại cơ sở khám chữa bệnh răng hàm mặt;
- Lập được kế hoạch dự trù, lĩnh vật tư, thuốc, hoá chất ... khi được phân công.

- Quản lý, theo dõi, thực hiện thống kê được các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định.
- Thường xuyên tự học, cập nhật kiến thức, kỹ thuật trong chuyên ngành Kỹ thuật phục hình răng.
- Thực hiện các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn của ngành y tế và các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế.
- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp hiệu quả;
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu và chăm sóc bệnh nhân tại khoa Răng Hàm Mặt;
- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp, quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, quy chế chuyên môn. Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực xét nghiệm và các quy định khác của ngành y tế;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Chủ động, sáng tạo trong công việc, chấp hành nhiệm vụ được giao tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình, của nhóm; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tích cực;
- Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh;
- Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, phòng ngừa tàn tật cho người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Hướng dẫn, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công;
- Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao, có khả năng tự đánh giá chất lượng công việc.
- Thiết lập được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro

trong công tác xét nghiệm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người cử nhân kỹ thuật phục hình răng có thể làm việc tại các Bệnh viện răng hàm mặt, khoa răng hàm mặt của Bệnh viện trung ương, Bệnh viện tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, các bệnh viện huyện/thị xã trực thuộc tỉnh, các bệnh viện ngoài công lập, các trung tâm y tế quận (huyện), các Labol răng hàm mặt, thẩm mỹ viện chỉnh nha, các phòng khám răng, giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp y tế với các vị trí việc làm sau:

- Kỹ thuật viên nha khoa
- Kỹ thuật viên chế tác trong các Labol phục hình

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **42**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **106.5** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành: **2211** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **812** giờ; thực hành, thực tập, lâm sàng: **1729** giờ; kiểm tra **105** giờ
- Thời gian khóa học: **3** năm

3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	6	120	42	72	6
II	Các môn cơ sở ngành và chuyên ngành	85.5	2211	655	1474	82
II.1	Các môn học cơ sở ngành	43	786	473	270	43
MH 07	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 08	Sinh học và Di truyền	1	15	14	0	1
MH 09	Hóa học	2	30	28	0	2
MH 10	Lý sinh	1	15	14	0	1

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/ Kiểm tra
MH 11	Giải phẫu	1	15	0	14	1
MH 12	Sinh lý	1	15	14	0	1
MH 13	Hoá sinh	2	30	28	0	2
MH 14	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
MH 15	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	2	51	11	38	2
MH 16	Vi sinh - Ký sinh trùng	2.5	45	28	14	3
MH 17	Dược lý	2.5	45	28	15	2
MH 18	Sức khỏe - Vệ sinh - Môi	2	30	28	0	2
MH 19	Dịch tễ	1	15	14	0	1
MH 20	Dinh dưỡng- Tiết chế -	1	15	14	0	1
MH 21	Y xã hội	2.5	45	28	15	2
MH 22	Giải phẫu vùng hàm mặt	1.5	30	14	14	2
MH 23	Giải phẫu sinh lý răng miệng	3	75	14	58	3
MH 24	Mô học răng	1	15	14	0	1
MH 25	Bệnh cơ sở	4	60	56	0	4
MH 26	Lâm sàng bệnh cơ sở	2	90	0	88	2
MH 27	Cẩn khớp học	2	30	28	0	2
MH 28	Vật liệu nha khoa	2	30	28	0	2
MH 29	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.5	30	14	14	2
II.2	Môn chuyên ngành	43	1425	182	1204	39
MH 30	Bệnh lý Răng hàm mặt	2	30	28	0	2
MH 31	Kỹ thuật điều trị dự phòng Nha khoa I	3	75	28	44	3
MH 32	Kỹ thuật điều trị dự phòng Nha khoa II	3	60	28	29	3
MH 33	Điều dưỡng Nha khoa	2	45	14	29	2
MH 34	Kỹ thuật Phục hình tháo lắp từng phần	5	105	42	58	5
MH 35	Thực tập lâm sàng 1	2	90	0	88	2
MH 36	Kỹ thuật Phục hình cố định	4	90	28	58	4

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/ Kiểm tra
MH 37	Tổ chức và quản lý Labo	1	15	14	0	1
MH 38	Thực tập lâm sàng 2	4	180	0	176	4
MH 39	Thực tập lâm sàng 3	6	270	0	264	6
MH 40	Thực hành nghiên cứu khoa	1	15	0	14	1
MH 41	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	264	6
MH 42	Kiểm tra tay nghề cuối khóa	4	180	0	180	0
Tổng		106.5	2646	812	1729	105

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1 Hướng dẫn sử dụng các môn học chung

6 môn học chung gồm các môn: Giáo dục chính trị; Pháp luật; Tin học; Ngoại ngữ; Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh được sử dụng chung, thống nhất trong đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng của hệ thống Giáo dục nghề nghiệp đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và Ban hành theo các Thông tư cụ thể sau:

- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật

4.3. Kiểm tra sau khi kết thúc môn học

Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập thực hành, chuyên đề, báo cáo.

Thời gian kiểm tra:

- Lý thuyết: Không quá 120 phút
- Thực hành: Không quá 8 giờ

Thời gian kiểm tra của các môn học được tích hợp giữa lý thuyết, thực hành, lâm sàng.

4.4. Thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Kiểm tra thực hành tay nghề	Thực hành	Không quá 24 giờ

4.5. Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp

4.5.1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- c) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- đ) Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

4.5.2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

4.6. Văn bằng, danh hiệu cấp cho người học

- Văn bằng tốt nghiệp: Cao đẳng
- Danh hiệu: Cử nhân thực hành

4.7. Các chú ý khác

- Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;
- Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để học sinh được học tập và thực tế trên lâm sàng.